

NHẬN THỨC MỚI VỀ THÀNH LÒI (THỪA THIÊN HUẾ) QUA KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO CỔ HỌC

Nguyễn Văn Quảng*

1. Mở đầu

Trong số các thành lũy Champa ở khu vực từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế (vùng đất phía bắc của vương quốc Champa), thành Lôi - thuộc địa bàn 3 phường Thủy Xuân, Thủy Biều và Phường Đức, thành phố Huế hiện nay, được đề cập khá nhiều với các cấp/góc độ khác nhau. Ngay từ thế kỷ XIX, sách *Đại Nam nhất thống chí* của triều Nguyễn, ở mục Cổ tích đã viết: “*Thành cũ Chiêm Thành ở đây, gọi là thành Phật Thệ, tục gọi là thành Lôi, khoảng đời Minh Mệnh lập miếu ở đây để thờ*”.⁽¹⁾ Đến thời Pháp thuộc, những thông tin về thành Lôi cũng đã được H.Parmentier, Jean Yves Claeys... đề cập trong các tác phẩm của mình.^{(2),(3)} Từ năm 1975 đến nay, một số học giả Việt Nam cũng đã đề cập đến tòa thành này với những khía cạnh khác nhau: khảo cổ học, lịch sử-văn hóa, đáng chú ý là các nghiên cứu của Trần Quốc Vượng,⁽⁴⁾ Vũ Hữu Minh và Nguyễn Văn Kết,⁽⁵⁾ Lê Đình Phụng,⁽⁶⁾ Ngô Văn Doanh,⁽⁷⁾ Nguyễn Phước Bảo Đàn⁽⁸⁾... Một số nghiên cứu dựa trên sự trực tiếp khảo sát thực địa, một số khác kế thừa lại các nghiên cứu trước để luận giải cho hướng nghiên cứu của mình, và đó đều là các công trình có giá trị. Tuy nhiên, qua thực tế khảo sát tại di tích cũng như nghiên cứu lại các báo cáo trước đó, chúng tôi nhận thấy rằng một số vấn đề của thành Lôi chưa được làm rõ như quy mô cấu trúc, kỹ thuật đắp lũy, vị trí và niên đại, điều này có thể liên quan đến hiện trạng của tòa thành đã bị san phá nhiều, các nghiên cứu lâu nay đều chỉ dựa trên quan sát bề mặt mà chưa có được một cuộc thám sát hoặc khai quật. Đây cũng là những lý do gây khó khăn cho chúng tôi khi nghiên cứu tòa thành này. Để khai thác các thông tin mới về thành Lôi, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bề mặt và đo, vẽ lại toàn bộ cấu trúc thành nhằm xác định lại quy mô, cấu trúc, đồng thời căn cứ vào các vị trí bị đào phá, làm sạch mặt cắt để nghiên cứu kỹ thuật xây dựng lũy thành. Điều này đã giúp chúng tôi phát hiện một số thông tin thú vị về tòa thành này.

2. Thành Lôi qua kết quả điều tra khảo cổ học

2.1. Về vị trí

Về mặt hành chính, thành Lôi hiện nay thuộc địa bàn 3 phường: Thủy Biều, Thủy Xuân và Phường Đức, thành phố Huế, trong đó đa phần diện tích của thành

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

nằm trên địa bàn phường Thủy Biều; cách trung tâm thành phố Huế 7km về phía tây. Tọa độ đo tại Hồ Quyền: 16°26'05" vĩ độ Bắc; 107°33'53" kinh độ Đông. Về mặt địa hình-sinh thái, thành Lồi được xây dựng trên vùng đồi Long Thọ (Long Thọ Cương), mà theo cổ GS Trần Quốc Vượng là thuộc xứ Huế Cồn - Bãi.⁽⁹⁾ Khu đồi này một bên phía bắc có chiều cao thoải dần từ nam xuống bắc, phía còn lại thấp dần về phía nam, lũy thành phía nam được làm trên đỉnh đồi đó. Phía tây nam và đông nam, bên ngoài thành là núi thấp trập trùng, xen kẽ những cánh đồng lúa, phía bắc là lưu vực Sông Hương thấp trũng. Dòng Sông Hương đoạn qua khu vực thành Lồi *“chảy đúng theo hướng tây đông rồi bẻ quặt xuôi xuống hướng nam. Có lẽ chính là do đặc điểm của hướng sông chảy đó và do khuỷu sông làm thành một vị trí phòng ngự tốt nên địa điểm đó đã được chọn lựa”*.⁽¹⁰⁾ Góc tây bắc của thành tận dụng tối đa gò Long Thọ để xây dựng lũy thành, khóa giữ thượng lưu Sông Hương, mà theo các nhà địa lý gọi là kiểu “Thiên quan Địa trục” (cửa trời trục đất). Đối diện, hơi chệch về phía tây với đồi Long Thọ qua bờ bắc Sông Hương là đồi Hà Khê, nơi có chùa Thiên Mụ tọa lạc và gần đó là điện Hòn Chén được xây trên núi Ngọc Trản, cũng là một di tích quan trọng. Long Thọ Cương - Hà Khê được xem là “tọa khẩu thứ nhất” trên dòng Hương Giang đoạn chảy qua thành phố Huế. Trong phạm vi của thành Lồi còn có hai di tích quan trọng khác của triều Nguyễn là Hồ Quyền và điện Voi Ré.⁽¹¹⁾ Những di tích đó cho thấy khu vực thành Lồi tọa lạc có một vị trí tâm linh quan trọng trong lịch sử của Champa và người Việt.

2.2. Về quy mô, cấu trúc

Sau khi khảo sát thực địa xung quanh thành và đo vẽ hiện trạng, chúng tôi nhận thấy, thành Lồi có cấu trúc cơ bản dạng gần vuông, các lũy thành về cơ bản nằm đúng theo hướng tây bắc - đông nam (Bản vẽ 1).

- **Lũy thành phía tây:** dài 288m, nơi cao nhất còn lại 7m, nơi rộng nhất 15m60. Phía ngoài lũy thành là khe Long Thọ, chạy sát chân lũy rồi đổ ra Sông Hương. Bên trong, gần đoạn giữa lũy thành có một hồ nước mà người dân địa phương gọi là hồ Điện (hồ của điện Voi Ré). Năm 1979, người ta đào một rãnh đặt cống thoát nước từ hồ Điện ra khe Long Thọ, rãnh này cắt ngang lũy tây của thành Lồi. Cách góc thành tây-nam 150m về phía bắc phát hiện 03 mảnh miêng gốm thô có màu nâu đỏ, trang trí hoa văn in ô vuông mang đặc trưng của gốm Champa và rất giống với những mảnh gốm được tìm thấy tại tầng văn hóa trên của Trà Kiệu. Ở những phần khác của lũy tây, người dân địa phương xây dựng nhà ở trên bề mặt lũy thành và các hoạt động canh tác nông nghiệp đã cắt xẻ, san bạt lũy tây làm phát lộ nhiều gạch vỡ.

- **Lũy thành phía bắc:** nằm sát với giới hạn xâm thực của Sông Hương, chiều dài tương đối khoảng 530m. Khi nước cạn, Sông Hương cách lũy thành khoảng 50m - 100m. Lũy thành đã bị san bạt nhiều khi làm đường Bùi Thị Xuân và do sự cư trú của con người trên bề mặt lũy thành. Hiện nay, dấu tích của lũy thành còn

tương đối rõ trong khu vực nhà ông Nguyễn Hữu Thông cho thấy lũy cao còn lại so với bề mặt hiện tại khoảng 1m50. Ở khoảng giữa lũy bắc (cách nhà thờ Phường Đức khoảng 100m về phía tây) có một bầu nước nối với hồ Điện qua khu ruộng trũng ở phía đông rồi đổ ra Sông Hương. Gần bầu nước còn có một đoạn lũy dài khoảng 3m, cao 2m và rộng 2,5m. Phải chăng, trước đây hồ Điện đã từng là một bộ phận cấu trúc của thành Lôi, đóng vai trò là nơi dự trữ nước, điều tiết cho hệ thống hào bao quanh thành?

- **Lũy thành phía đông:** dài 370m, cao trung bình 2,5m-3m, nơi rộng nhất 13m, chạy uốn khúc theo dòng chảy của khe Đá, lấy khe Đá làm hào nước tự nhiên (Ảnh 1). Qua khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy lũy phía đông không chạy thẳng như các nghiên cứu trước đây mô tả mà chạy theo hình zích zắc, được nối bởi 3 đoạn lũy. Đoạn lũy thứ nhất (phía bắc, điểm cuối giáp với lũy phía bắc) chạy theo hướng bắc-nam, do cư trú nên dấu vết không còn nguyên vẹn; đoạn lũy thứ hai chạy theo hướng đông-tây; đoạn lũy thứ ba (phía nam, điểm đầu nối với lũy phía nam) chạy theo hướng bắc-nam, đoạn này còn tương đối nguyên vẹn so với hai đoạn còn lại. Ngay phía sau đình làng Dương Xuân Thượng là một khu đất rộng 26mx21m, bằng phẳng, nhô ra so với lũy chính.

- **Lũy thành hướng nam:** dài 474m, cao trung bình 4m, nơi rộng nhất 17m90, dù một phần lũy thành đã bị san gạt khi làm đường Huyền Trân Công Chúa, đây vẫn là lũy thành mà dấu tích tồn tại còn nguyên vẹn nhất của thành Lôi. Ở nửa lũy phía tây đường Huyền Trân Công Chúa, dọc theo phía trong của lũy là khu mộ táng xen lẫn với khu vực canh tác của nhân dân địa phương. Trên bề mặt ở đoạn giữa lũy thành, phát hiện được nhiều mảnh ngói Champa tập trung thành từng cụm. Ở giữa lũy thành phía nam cũng xác định một mô đất bằng phẳng, rộng 25mx15m, nhô ra phía ngoài lũy thành. Nửa lũy phía đông được nhân dân trồng cây phủ kín bề mặt lũy. Góc thành đông-nam có một khoảng rộng 37mx36m, khá bằng phẳng, nhô ra phía ngoài lũy thành chính, xung quanh là khu mộ táng lớn. Lũy nam được xây dựng trên sườn đồi có độ dốc lớn so với các lũy khác. Phía ngoài lũy thành còn dấu tích của một hào nước, rộng khoảng 5m nối từ khe Đá đến khe Long Thọ, chảy ngay sát lũy thành, nay đã bị bồi lấp nhưng dấu vết vẫn còn rất rõ. Như vậy, lũy nam vẫn tồn tại những yếu tố quan trọng nhất của một lũy thành quân sự - “thành cao, hào sâu”.

Cách lũy thành phía nam khoảng 100m về phía bắc, cách tượng Phật Địa Tạng trong phạm vi nghĩa trang khuôn Dương Biều khoảng 50m về phía đông, phát hiện ba tảng đá sa thạch, màu xám, không có dấu vết chạm khắc. Hai tảng dạng hình chữ nhật, kích thước lần lượt là 60cm x 23cm x 22cm; 70cm x 20cm x 22cm (dài x rộng x dày), một tảng gần vuông: 56cm x 52cm x 22cm (dài x rộng x dày). Những tảng đá này có khả năng là dấu vết còn lại của miếu Quốc vương Chiêm Thành được sử liệu triều Nguyễn đề cập đến: “*Miếu Quốc vương Chiêm Thành: ở*

xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy, thờ vua Chiêm Thành. Ở xã Nguyệt Biều, xưa có một đoạn thành đất, tương truyền là nền thành cũ của Chiêm Thành, năm Minh Mạng thứ 14, dựng miếu để thờ, hàng năm tế vào hai tháng trọng xuân và trọng thu”.⁽¹²⁾ Đáng chú ý, theo H. Parmentier, “*những người miền núi bị bắt làm con đường chạy qua tòa thành (đường Huyền Trân Công Chúa hiện nay - NVQ), họ là những người có lẽ là lai đậm với người Chăm đã bị người Annam dồn lên, đều cho rằng đây là tòa thành của tổ tiên họ trước thời chinh phục*”.⁽¹³⁾ Đây là bằng chứng rất quan trọng chứng minh mối quan hệ của các dân tộc miền tây Thừa Thiên Huế với vương quốc Champa.

Nhìn chung, dấu tích của Thành Lôi vẫn còn tương đối nguyên vẹn so với nhiều tòa thành cổ Champa khác ở khu vực miền Trung. Thành Lôi được xây dựng trên cơ sở tận dụng một cách tối đa địa thế tự nhiên của vùng đồi Long Thọ. Sông Hương cách lũy bắc khoảng 50-100m tới đồi Long Thọ thì chảy ngoặt về phía nam. Khe Long Thọ chảy sát chân thành phía tây và lũy phía đông có khe Đá bao bọc bên ngoài. Các khe nước này đều đổ ra Sông Hương, vừa có chức năng thoát nước, vừa đóng vai trò quân sự.

2.3. Về kỹ thuật xây dựng lũy thành

Để nghiên cứu kỹ thuật xây dựng lũy thành Lôi, chúng tôi đã lợi dụng một số vị trí lũy thành bị phá, nạo sạch mặt cắt để nghiên cứu. Theo đó, chúng tôi đã thám sát bốn điểm để nghiên cứu kỹ thuật đắp lũy, trong đó ba điểm ở lũy đông và một điểm ở lũy tây. Kết quả nghiên cứu mặt cắt cụ thể như sau:

- Điểm một ở lũy đông, cách góc thành đông-nam về phía bắc 64m, có tọa độ: 16°26'52.1" vĩ Bắc; 107°33'24.1" kinh Đông. Tường gạch đã bị xô vì quá trình người dân xẻ lũy xây dựng một ngôi miếu nhỏ mà dân địa phương gọi là “Miếu Bà”, và rễ của các cây cổ thụ mọc ngay trên bề mặt lũy. Tường gạch dài 6,80m; cao 1m; gạch đã bị vỡ vụn, không còn nguyên vẹn, có chiều dày vào khoảng 9-10cm.

- Điểm hai ở lũy đông, cách điểm một 18m về phía bắc. Người dân canh tác nông nghiệp nên xẻ ngang mặt ngoài của lũy, vượt qua đỉnh lũy khoảng 1,0m, xuất lộ một tường gạch dày 0,8m, cao 1,2m, nằm cách mặt đất khoảng 50cm, gạch có chiều dày vào khoảng 9-10cm (tương đồng với kích thước gạch ở điểm một). Phía ngoài tường gạch có phủ đất. Phía trong tường gạch là 4 lớp đất đắp thành có màu sắc và kết cấu khác nhau. *Lớp 1:* có màu xám đen, dày 1m30, có hiện tượng xáo trộn do các loại cây trồng trên lũy. *Lớp 2:* đất có màu nâu đỏ, xen nhiều gạch Champa và được đầm chặt, dày khoảng 0,2-0,4m. *Lớp 3:* lớp đắp lũy chứa nhiều đá dăm, lớp đất này rất cứng, chỗ dày nhất 2,10m, chỗ mỏng nhất 1,2m. *Lớp 4:* lớp đất đắp lũy dày 40-50cm, là lớp đất sét vàng trộn nhiều đá dăm. Phía dưới lớp này là một lớp đất sét vàng, thuần, có chức năng hút nước cho các lớp trên, giúp cho gạch lâu mủn nát. Lớp cuối của tường gạch được xây dựng trên nền của lớp 4,

lớp đất này tương đối bằng phẳng. Phía ngoài tường gạch cũng được phủ một lớp đất đồi dày.

- Điểm ba ở lũy đông, cách điểm hai 125,60m về phía bắc, có tọa độ $16^{\circ}26'56.6''$ vĩ Bắc; $107^{\circ}33'24.5''$ kinh Đông. Dấu vết hiện còn cho thấy tường gạch được xây dọc theo mặt ngoài của bề mặt lũy và có phủ đất ở ngoài. Tường gạch dài 7,20m, cao khoảng 1m với các viên gạch có kích thước mỏng hơn điểm một và hai (37cm x 20cm x 6cm - dài x rộng x dày). Phía trên tường gạch là lớp đất đắp dày khoảng 2,50m có lẫn một vài viên đá. Các hàng gạch được xây so le với nhau, cứ một hàng gạch xây ngang lại tới một hàng gạch xây dọc. Ba hàng gạch cuối được xây nhô ra khỏi tường gạch từ 5-10cm, tạo nền móng cho tường gạch đứng vững hơn (Ảnh 2).

Điểm bốn ở lũy tây, nằm ở khu vực cống thoát nước của hồ Điện, rộng khoảng 3m và lũy cao 5,3m. Khu vực này phát hiện một tường gạch dài 1,20m, dày 0,8m, cao 1,50m, được xây dọc theo lũy ở mặt ngoài và mặt cắt ngang phần phía ngoài tường gạch rộng 8,50m. Tường gạch được xây so le, một hàng gạch xây ngang rồi tới một hàng gạch xây dọc. Trong cuộc khảo sát này, chúng tôi nhận thấy đất sét vàng được sử dụng như là một chất “kết dính” khiến các viên gạch liên kết thành khối vững chắc. Đáng chú ý, gạch ở khu vực này bên cạnh những viên gạch có kích thước tương đồng với điểm một và hai, còn có những viên có kích thước lớn (40-43cm x 20cm x 10cm – dài x rộng x dày). Mặt cắt ngang phần đất đắp phía bên ngoài tường gạch xuất lộ do quá trình đào cống thoát nước cho hồ Điện, cho thấy được xử lý rất kỹ, gồm 7 lớp khác nhau (theo thứ tự từ trên xuống dưới) được đắp theo chiều thoải dần từ đỉnh lũy xuống chân lũy:

+ L1: Lớp đất đắp, cấu tạo chặt, lẫn nhiều sạn sỏi. Đất màu vàng cam, chỗ dày nhất là 2,30m, chỗ mỏng nhất là 0,8m.

+ L2: Lớp sét vàng, được đầm rất chặt, chỗ dày nhất 0,6m, chỗ mỏng nhất 0,2m.

+ L3: Lớp gạch đầm, có màu nâu đỏ, dày 0,2-0,4m.

+ L4: Lớp sét vàng, có kết cấu như L2, chỗ dày nhất 1m; chỗ mỏng nhất 0,2m.

+ L5: Lớp gạch đầm, có kết cấu như L3, chỗ dày nhất 1m²; chỗ mỏng nhất 0,4m.

+ L6: Lớp đá dăm, được đầm chặt, dày khoảng 0,6m.

+ L7: Lớp sét vàng, dày khoảng 0,2m (Ảnh 3, Bản vẽ 3)

Quá trình khảo sát ở lũy nam, đoạn gần đường Huyền Trân Công Chúa, ở mặt trong của lũy thành này cũng phát hiện một đoạn tường xếp gạch, ốp mặt bên trong của lũy. Tường gạch cao khoảng 60cm, được xây cách mặt đất 40-50cm, giống như mặt ngoài ở các vị trí khác. Điều này chứng tỏ gạch được ốp hai bên lũy thành Lôi.

Điểm đáng chú ý trong đợt khảo sát này là chúng tôi đã phát hiện nhiều hiện vật trên bề mặt lũy thành, cụ thể khoảng giữa lũy nam, chúng tôi đã phát hiện một cụm ngôi võ vụn, nằm ngay trên lũy thành. Ngôi được làm bằng đất sét màu đỏ



Ảnh 5: Ngói ống phát hiện ở thành Hồ (Phú Yên).

Ảnh 4: Ngói ống phát hiện ở lũy nam.

nhạt, trên bề mặt khắc vạch những đường lõm song song, không theo quy luật, ngói dày 1-1,2cm (Ảnh 4). Loại ngói này được tìm thấy rất nhiều ở một số tòa thành Champa có niên đại sớm như Trà Kiệu (Quảng Nam), thành Cha (Bình Định), thành Hồ (Phú Yên) (Ảnh 5). Cách góc thành tây nam 150m về phía bắc phát hiện 03 mảnh miệng gốm thô có màu nâu đỏ, trang trí hoa văn in ô vuông mang đặc trưng của gốm Champa và rất giống với những mảnh gốm được tìm thấy tại tầng văn hóa trên của Trà Kiệu. Những mảnh gốm và ngói này là cơ sở quan trọng để góp phần xác định niên đại của thành Lôi.

3. Những nhận thức mới về thành Lôi

Thành Lôi được xây dựng bằng cách triệt để lợi dụng địa hình của các dãy đồi cao phía nam Sông Hương, thuộc khu vực đồng bằng, phía bắc là Sông Hương như bức thành tự nhiên vững chãi; phía đông và nam là đồi núi điệp trùng, đứng trên lũy thành có thể bao quát xung quanh từ khoảng cách xa. Trong số các thành lũy Champa ở bắc Hải Vân đến nam đèo Ngang không có tòa thành nào có vị trí tương tự thành Lôi.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, về cơ bản thành Lôi có cấu trúc gần vuông tuy nhiên lũy thành phía đông không phải chạy thẳng theo chiều bắc-nam như các nghiên cứu trước đây mô tả mà chạy theo kiểu zích zắc, được nối bởi 3 đoạn thành khác nhau (Bản vẽ 1, 2).

Trong cuộc khảo sát lần này, chúng tôi nhận thấy, bên cạnh cấu trúc vòng thành khép kín, ở thành Lôi còn tồn tại ít nhất ba mô đất rộng, bằng phẳng nhô ra khỏi bên ngoài lũy thành. *Một*, ở gần giữa lũy đông, ngay phía sau đình làng Dương Xuân Thượng, kích thước 26mx21m; *Hai*, giữa lũy nam, có kích thước 25mx15m; *Ba*, ở góc thành đông nam có một khoảng rộng 37mx36m. Các ụ này có cái được

đắp hoàn toàn bằng đất đồi và gạch vụn (lũy nam), có cái tận dụng địa hình đồi gò để tạo thành (góc đông nam và lũy đông). Từ các địa điểm đó, có thể phóng tầm mắt bao quát toàn bộ khu vực rộng lớn xung quanh. Có thể, ở các lũy thành còn lại đã từng tồn tại các mô đất bằng phẳng, nhô ra khỏi lũy nhưng hiện nay đã không còn dấu vết (?). Việc tồn tại các mô đất rộng như vậy, phải chăng đóng vai trò như chòi, vọng gác, ụ chiến đấu...? Điều đó cho thấy tư duy quân sự, tư duy hệ thống của những người thiết kế và xây dựng thành Lôi. Những ụ đất này đã được thấy ở thành Hồ, Phú Yên – một tòa thành có niên đại tương đương với thành Lôi, nhưng ở đây, những ụ đất này, hầu như không được chú ý trong các nghiên cứu trước đó.

Các lũy thành Lôi được xây dựng vững chãi, chắc chắn bằng kỹ thuật xây tường gạch hai bên, rồi đổ đất đồi laterite lẫn gạch vụn ở giữa, bên trên và bên ngoài tường gạch. Các lớp đất ở giữa tường gạch được đầm chặt theo lớp tạo sự chắc chắn, phía dưới cùng là một lớp đất sét mỏng (khoảng 10-15cm) để hút nước, kẻ đó mới là lớp đất gốc. Các viên gạch được liên kết với nhau bằng một lớp vữa đất sét hoặc đất đồi. Ở những vị trí xung yếu, dễ sạt lở, nhất là vào mùa mưa, chân lũy ở ngoài được gia cố chắc chắn bằng cách đầm từng lớp đất sét, xen kẽ lớp gạch vụn theo hướng xuôi dần về chân lũy để đảm bảo giữ tường gạch bên trong không bị đổ, đồng thời giúp thoát nước dễ dàng hơn qua các “màng thấm” là các lớp sét. Kỹ thuật xây dựng lũy thành Lôi về cơ bản là tương đồng với thành Trà Kiệu (Quảng Nam) và thành Hồ (Phú Yên), đó là kỹ thuật xây cốt gạch hai bên, rồi đổ đất vào giữa, tuy nhiên ở thành Lôi có điểm khác là chân móng tường gạch bao giờ cũng cách mặt đất nền từ 30-50cm chứ không ăn sâu xuống nền đất gốc, điều này có lẽ là để giúp kéo dài tuổi thọ của tường gạch vì hạn chế được ảnh hưởng của hơi nước. Mặt khác, sự gia cố của thành Lôi ở những vị trí xung yếu có phần chắc chắn hơn, điều này có lẽ là do địa hình của thành Lôi phức tạp hơn, vì là gò đồi nên dễ sạt lở hơn. Việc sử dụng các lớp đất sét xen kẽ lớp gạch đầm trong việc gia cố chân lũy, cũng như sự tồn tại của lớp đất sét dưới cùng của lũy cho thấy sự sáng tạo trong kỹ thuật xây dựng thành Lôi với mục đích cuối cùng là tạo sự vững chắc và độ bền lâu dài cho lũy thành.

Về niên đại, mặc dù H. Parmentier đã khảo sát về thành Lôi, tuy nhiên ông chưa đưa ra một niên đại nào cho tòa thành này. Năm 1989, đoàn nghiên cứu do GS Trần Quốc Vượng dẫn đầu đã tiến hành khảo sát thực địa, nghiên cứu và đi đến kết luận: niên đại của thành Lôi không thua kém thành Trà Kiệu, khoảng thế kỷ V-VI.⁽¹⁴⁾ Ngô Văn Doanh thì cho rằng thành Lôi ở Huế có thể là Champapura (tức thành Điền Xung) của nước Champa trước thế kỷ thứ V...⁽¹⁵⁾ Những mảnh gốm và mảnh ngói phát hiện được ở lũy tây và lũy nam trong đợt khảo sát này cho thấy chúng mang nhiều nét đặc trưng của đồ gốm thô, mịn và ngói Champa thuộc tầng văn hóa trên của Trà Kiệu, tức từ sau thế kỷ IV-V sau CN. Những hiện vật này cùng với kỹ thuật xây dựng tương đồng cho thấy niên đại thành Lôi không thua kém thành Trà Kiệu, tức khoảng thế kỷ V-VI mà cố GS Trần Quốc Vượng đưa ra là có cơ sở vững chắc.

Theo Jean Yves Claeys, ở khu vực phía đông của thành Lôi, vào năm 1930, ngài Phạm Liệu, Thượng thư Bộ Binh lúc đó, trong khi sửa sang ngôi vườn của mình đã phát hiện ra những vết tích Chăm, mà sau đó được xác định là nền móng của một ngôi tháp vuông nhỏ, mỗi cạnh khoảng 8m, có những mương tháo nước và tiền sảnh, toàn bộ đều hướng về phía đông (gọi là tháp Sơn Điền⁽¹⁶⁾), niên đại được xác định từ thế kỷ VI đến thế kỷ VIII.⁽¹⁷⁾

Cũng ở khu vực phía đông bắc của thành Lôi còn dấu vết của một phế tích tháp Champa, có tên là Xuân Hóa hay Xuân Huế, có người gọi là Thiên Hóa, vốn đã được linh mục L. Cadière nghiên cứu, với bài viết “Các tác phẩm điêu khắc Champa ở Xuan Hoa” đăng trên *BAVH*, tập IV, năm 1917.⁽¹⁸⁾ Các hiện vật điêu khắc của phế tích này, gồm một đỉnh cột trang trí (thực ra là đỉnh tháp), một Gajasimha/Voi-sư tử, hai đầu Makara và một Linga đã được ông đưa về cất giữ tại Bảo tàng Khải Định lúc đó, nay là Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Qua những thông tin của L. Cadière và khảo sát thực tế, chúng tôi biết rằng, Xuan Hoa⁽¹⁹⁾ thực tế là Xuân Hóa hay Xuân Huế, là địa danh nằm ở gần chùa Tường Vân (phường Thủy Xuân, thành phố Huế hiện nay). Theo lời kể của người dân, khu vực này từng tồn tại một tháp Champa, bên trong có thờ nhiều hiện vật; đáng chú ý là một Linga. Về sau, tháp Champa này bị đổ nát, cư dân trong vùng đã dựng lại một miếu thờ trên nền tháp cũ, gọi là miếu Bà Giàng để cầu đảo. Đời Minh Mạng, ngôi miếu này được gọi là miếu/đền Vũ Sư (thần Mưa). Tuy nhiên, sau đó do sợ vị thần sẽ mang lại điềm xấu cho xóm làng nên người dân đã chuyển ngôi miếu (cùng bài vị) và các hiện vật Champa đến tại vị trí mới cách vị trí cũ khoảng 5 hoặc 6m về phía nam. Ngôi miếu này (miếu mới) hiện nay được người dân gọi là “miếu xóm” hay miếu Xích mi thần nữ (thờ bà Mắt đỏ),⁽²⁰⁾ thuộc khuôn viên gia đình ông Trần Thái Bảo, tổ 18, KV5, phường Thủy Xuân, thành phố Huế. Hiện nay, phía trước ngôi miếu này vẫn còn một dầm cửa bằng sa thạch (dài 130cm, rộng 39cm, dày 11cm) dùng làm bậc cấp, có thể là di vật sót lại sau khi các hiện vật khác đã được L. Cadière mang đi. Như vậy, phế tích tháp Xuan Hoa không phải tọa lạc tại miếu Xích mi thần nữ hiện nay mà nó phải ở tại vị trí đền Vũ Sư/thần Mưa nằm gần đó. Dù chưa xác định được vị trí chính xác của phế tích tháp Xuân Hóa/Xuân Huế nhưng với những tác phẩm điêu khắc hiện còn, cho thấy ở khu vực gần chùa Tường Vân hiện nay đã từng hiện diện một ngôi tháp Champa.

Việc phát hiện các phế tích tháp Champa gần thành Lôi (Sơn Điền, Xuân Hóa/Xuân Huế, chứ không phải là khu vực Hà Khê - Thiên Mụ hay Ngọc Trản - Hòn Chén như một số ý kiến trước đó, vì cho đến hiện nay, chưa có bằng chứng về di tích, di vật chứng minh ở hai vị trí đó đã từng tồn tại các đền tháp Champa, ngoài vị trí được coi là rất đẹp của chúng) cho thấy mối liên hệ giữa trung tâm chính trị-hành chính/ Hoàng thành thiêng - thành Lôi và trung tâm tín ngưỡng tôn giáo/đất thiêng - Sơn Điền/Xuân Hóa trong cấu trúc của một Mandala Champa,

trong khi các yếu tố còn lại là cửa biển thiềng/Tur Hiền, sông thiềng/Sông Hương và núi thiềng/núi Kim Phụng đã xác định chắc chắn (Ảnh 6).



Ảnh 6: Thành Lồi và các đền tháp liên quan trên bản đồ Google earth.

Qua thực tế nghiên cứu các thành lũy Champa ở miền Trung, chúng tôi nhận thấy rằng, tương ứng với địa bàn mỗi tỉnh hiện nay từ Quảng Bình đến Bình Thuận (không gian lãnh thổ của vương quốc Champa) đa số đều có một thành lũy/ trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa thuộc giai đoạn trước/ sớm và một thành lũy giai đoạn sau/ muộn. Điều này được lý giải là sự thay đổi trung tâm qua các giai đoạn khác nhau khi vị trí của trung tâm cũ không còn đáp ứng vai trò trong bối cảnh mới. Khu vực Thừa Thiên Huế, thuộc châu Ulik đề cập trong bi ký Mỹ Sơn thế kỷ 13 cũng không nằm ngoài đặc điểm đó. Theo đó, thành Lồi được coi là trung tâm chính trị của vùng thuộc giai đoạn sớm (thế kỷ V-VII), thành Hóa Châu thuộc giai đoạn sau (cuối thế kỷ IX đến đầu thế kỷ XIV). Gần đây, chúng tôi tìm thấy dấu tích của một tòa thành Champa thứ ba trên đất Huế, đó là thành Phú Ốc ở khu vực Tứ Hạ.⁽²¹⁾ Do chưa tiến hành khai quật nên chưa thể xác định chính xác niên đại của thành nhưng qua niên đại của các di tích tháp bên cạnh thành như Liễu Cốc, Cồn Tháp, Cồn Đuôi Ruôi, có thể dự đoán trung tâm này có niên đại muộn hơn thành Lồi, sớm hơn Hóa Châu (thế kỷ VIII-IX)?

Với quy mô và vị trí tồn tại cho thấy, thành Lồi là một di tích quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử văn hóa Champa. Tuy nhiên, việc nghiên cứu di tích này vẫn còn những ẩn số chưa thể sáng tỏ. Vì vậy, việc tiến hành khai quật di tích là một đòi hỏi bức thiết, nhất là trong điều kiện các hoạt động cư trú và sản xuất hiện nay ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự toàn vẹn của các lũy của thành Lồi.

N V Q

CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, tập I (Phạm Trọng Điềm dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 165.
- (2) H. Parmentier (1918), *Inventaire descriptif des monuments çams de l'Annam*, Tome II, Étude de l'art çam. Paris, Ernest Leroux, pp. 513-514.
- (3) Jean Yves Claeys (1997), "Hành trình vào sự nghiên cứu nước Annam và nước Chăm Pa", *Bulletin des Amis du vieux Hué (BAVH)*, tập 21 (1934), Bản dịch tiếng Việt của Đặng Như Tùng; Hiệu đính: Bửu Ý, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 61-62.
- (4) Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam - cái nhìn Địa - Văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc và tạp chí Văn hóa-Nghệ thuật, Hà Nội, tr. 388-417.
- (5) Vũ Hữu Minh và Nguyễn Văn Kết (1990), "Trở lại Thành Lồi ở Huế", *Những phát hiện mới về Khảo cổ học (NPHMVKCH) năm 1989*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 168-169.
- (6) Lê Đình Phụng, Nguyễn Xuân Hoa (2006), *Văn hóa Champa ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Văn hóa-Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội, tr. 159-165.
- (7) Ngô Văn Doanh (2011), *Thành cổ Chămpa - những dấu ấn của thời gian*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 31-54.
- (8) Nguyễn Phước Bảo Đàn (2006), "Thành Lồi ở Huế: Từ vị trí tọa lạc đến bối cảnh Thuận Hóa buổi đầu (những tư liệu thư tịch và điền dã)", *Kỷ yếu Hội thảo 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Thừa Thiên Huế*, tr. 260-272.
- (9) Trần Quốc Vượng (1990), "Kết quả bước đầu nghiên cứu văn hóa miền Trung", *NPHMVKCH năm 1989*, Viện Khảo cổ học, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tr. 171.
- (10) H. Parmentier (1918), *Sđd*, pp. 513.
- (11) Theo sử liệu triều Nguyễn, "ở đồi Long Thọ trước đây còn có đình Long Thọ Cương, trước là kho Thọ Khang Thượng. Tương truyền trước kia trên gò có nhà, từng rước tử cung Anh Tông, Hiến Tông, Túc Tông và Tể Tông để tạm ở đấy" (Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, tập I (Phạm Trọng Điềm dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 85).
- (12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, tập I, *Sđd*, tr. 72.
- (13) H. Parmentier (1918), *Sđd*, pp. 513.
- (14) Trần Quốc Vượng (1998), *Sđd*, tr. 413.
- (15) Ngô Văn Doanh (2011), *Sđd*, tr. 54.
- (16) Chúng tôi đã đi khảo sát ấp Sơn Điền, hiện nay thuộc khu vực gần Nhà máy rượu Sake, phường Thủy Xuân (thành phố Huế), ở phía đông, sát cạnh thành Lồi, tuy nhiên vị trí của tháp Sơn Điền mà Jean Yves Claeys đề cập chúng tôi vẫn chưa xác định được một cách chắc chắn do dấu vết đã quá mờ nhạt, những người già cũng không nhớ vị trí chính xác, dấu vết gạch cũng không tìm thấy nhưng với những gì Jean Yves Claeys mô tả thì chắc chắn ở phía đông gần thành Lồi từng có một phế tích tháp Champa.
- (17) Jean Yves Claeys (1997), "Hành trình vào sự nghiên cứu nước Annam và nước Chăm Pa", *Bulletin des Amis du vieux Hué (BAVH)*, tập 21 (1934), Bản dịch tiếng Việt của Đặng Như Tùng; Hiệu đính: Bửu Ý, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 62.
- (18) L. Cadière (1998), "Các tác phẩm điêu khắc Chàm ở Xuân Hòa", *BAVH*, tập IV (1917), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 291-294.
- (19) Từ dùng của L. Cadière.

- (20) “Xích mi” không phải hiểu theo nghĩa thông thường là “lông mày đỏ”, mà theo người dân, xích mi là mắt đỏ, vì vị thần này có thể trị bệnh mắt đỏ (mắt bị viêm) cho người dân (?).
- (21) Nguyễn Văn Quảng (2016), “Dấu tích thành cổ Phú Ốc ở Thừa Thiên Huế”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 1 (127), tr. 28-36.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời - Nghiên cứu địa lý học Lịch sử Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Phú Yên (2004), *Báo cáo khai quật khảo cổ học di tích thành Hồ (Phú Hòa, Phú Yên)*, Tư liệu BTNH, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Cadière L. (1998), “Các tác phẩm điêu khắc Chăm ở Xuân Hòa”, *BAVH*, tập IV, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 291-294.
4. Nguyễn Chiêu, Hoàng Văn Nhâm, Nguyễn Danh Hạnh, Nguyễn Thương Hiền (1991), “Cắt thành Trà Kiệu (Quảng Nam-Đà Nẵng)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học (NPHMVKCH) năm 1991*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội, tr. 235-236.
5. Nguyễn Chiêu (1993), *Khai quật di chỉ Trà Kiệu*, Tư liệu BTNH, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Claves J. (1997), “Hành trình vào sự nghiên cứu nước Annam và nước Chăm Pa”, *BAVH*, tập 21 (1934), Bản dịch tiếng Việt của Đặng Như Tùng; Hiệu đính: Bửu Ý, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Ngô Văn Doanh (2011), *Thành cổ Champa - những dấu ấn của thời gian*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Nguyễn Phước Bảo Đàn (2006), “Thành Lồi ở Huế: Từ vị trí tọa lạc đến bối cảnh Thuận Hóa buổi đầu (những tư liệu thư tịch và điền dã)”, *Kỷ yếu Hội thảo 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Thừa Thiên Huế*, tr. 260-272.
9. Vũ Hữu Minh và Nguyễn Văn Kết (1990), “Trở lại thành Lồi ở Huế”, *NPHMVKCH năm 1989*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 168-169.
10. Lê Đình Phụng và Phạm Văn Triệu (2004), *Báo cáo khai quật Thành Hồ (Phú Yên)*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
11. Lê Đình Phụng, Nguyễn Xuân Hoa (2006), *Văn hóa Champa ở Thừa Thiên Huế*, Nxb Văn hóa-Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Quảng (2016), “Dấu tích thành cổ Phú Ốc ở Thừa Thiên Huế”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 1 (127), tr. 28-36.
13. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, tập I (Phạm Trọng Điềm dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế.
14. Đặng Văn Thắng, Phí Ngọc Tuyền, Nguyễn Thị Kim Hoa, Phạm Thị Trúc Lệ, Nguyễn Vũ Hiều (2010), “Thăm dò, khai quật di tích thành Hồ (Phú Yên)”, *NPHMVKCH năm 2009*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 676-680.
15. Phạm Văn Triệu, Lê Đình Phụng (2011), “Thành Hồ (Phú Yên) qua hai lần khai quật”, tạp chí *Khảo cổ học* (số 1), tr. 31-43.
16. Trần Quốc Vượng (1990), “Kết quả bước đầu nghiên cứu văn hóa miền Trung”, *NPHMVKCH năm 1989*, Viện Khảo cổ học, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tr. 169-171.

17. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam - cái nhìn Địa - Văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc và tạp chí *Văn hóa-Nghệ thuật*, Hà Nội.
18. Yamagata Mariko (1997), “Một số ý kiến về di tích Trà Kiệu và sự xuất hiện của nước Lâm Ấp”, *NPHMVKCH năm 1996*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 609-611.

Tiếng Pháp

19. H. Parmentier (1909), *Inventaire descriptif des monuments çams de l'Annam*, Tome premier, Description des monuments, Paris, Imprimerie Nationale.
20. H. Parmentier (1918), *Inventaire descriptif des monuments çams de l'Annam*, Tome II, Étude de l'art çam, Paris, Ernest Leroux.

TÓM TẮT

Trong số các thành lũy Champa ở khu vực từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế (vùng đất phía bắc của vương quốc Champa xưa), thành Lôi - thuộc địa bàn 3 phường Thủy Xuân, Thủy Biều và Phường Đúc, thành phố Huế hiện nay, được đề cập khá nhiều với các cấp/ góc độ khác nhau. Tuy nhiên, qua thực tế khảo sát tại di tích cũng như nghiên cứu lại các báo cáo trước đó, chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề của thành Lôi chưa được làm rõ như quy mô cấu trúc, kỹ thuật đắp lũy, vị trí và niên đại, điều này có thể liên quan đến hiện trạng của tòa thành đã bị san phá nhiều, các nghiên cứu lâu nay đều chỉ dựa trên quan sát mà chưa có sự thám sát hoặc khai quật khảo cổ học. Để khai thác các thông tin mới về thành Lôi, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bề mặt và đo, vẽ lại toàn bộ thành nhằm xác định lại quy mô, cấu trúc, đồng thời căn cứ vào các vị trí bị đào phá, làm sạch mặt cắt để nghiên cứu kỹ thuật xây dựng lũy thành. Những việc làm này đã giúp chúng tôi phát hiện một số thông tin thú vị về thành Lôi. Bài viết này cung cấp các thông tin mới về thành Lôi trên cơ sở nghiên cứu khảo cổ học nhằm giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về tòa thành quan trọng này.

ABSTRACT

NEW AWARENESS OF “THÀNH LÔI” RAMPART (THỪA THIÊN HUẾ) BASED ON THE RESULTS OF ARCHAEOLOGICAL SURVEYS

Among the ramparts of the kingdom of Champa in the region stretching from Quảng Bình to Thừa Thiên Huế (the northern part of the ancient kingdom of Champa), “Thành Lôi” rampart in the area of Thủy Xuân, Thủy Biều and Phường Đúc wards, Hue city is mentioned a lot in different levels. However, through factual investigation at site and previous reports, we realize that some issues of “Thành Lôi” rampart have not been clarified, such as the structural scale, construction technique, location and date, which can be related to the current state of the razed rampart; meanwhile, research works of the rampart have only been based on observation instead of conducting surveys or archaeological excavations. To exploit new information about “Thành Lôi” rampart, we have conducted surface survey, measured and drawn the entire rampart in order to determine its size, structure, and cleaned up the dug up location to study the construction technique of the rampart. The above actions have helped us discover some interesting information about “Thành Lôi” rampart. This article provides new information about “Thành Lôi” rampart on the basis of archaeological research, which helps us be more aware of this important citadel.